

Bản án số: **62/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-6-2018.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thủy**.

2. Ông **Trần Văn Xuân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **31/2018/TLST-HNGĐ** ngày 19 tháng 01 năm 2018, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **48/2018/QĐXXST-HNGĐ** ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số **52/2018/QĐ-HPTST** ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị N** - Sn: 1992. (*Vắng mặt*)

Đăng ký thường trú: Ấp G, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T** - Sn: 1991. (*Vắng mặt*)

Đăng ký thường trú: Ấp T, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Dân tộc: Kinh.

*** Người làm chứng:** Bà **Đặng Thị K**, sinh năm: 1960.

Đăng ký thường trú: Ấp T, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-01-2018 và T quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N** trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị không sống chung với nhau từ ngày 20-8-2017 đến nay. Chị nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, nên chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 24-02-2017, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc ý kiến:

Về thủ tục tố tụng T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T, giao con chung Nguyễn Minh S, sinh ngày 24-02-2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và đủ khả năng lao động, buộc anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con cho chị N hàng tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có T hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 108/2016 ngày 24-10-2016, của Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh T – chị N đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ con, anh chị không sống chung với nhau

từ tháng 8-2017 đến nay. Anh T không có lời trình bày, nhưng qua trình bày của mẹ anh T cho thấy, anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau, chị N đưa con của anh chị về nhà mẹ đẻ sống. Từ đó đến nay, anh chị không gặp nhau. T quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T không đến làm việc để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, cho thấy anh không có mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Chứng tỏ hôn nhân của anh T – chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị N và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 14-02-2017, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian qua chị N chăm sóc con đảm bảo. Do đó, giao người con tên Nguyễn Minh S cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Xét thấy anh T chưa có việc làm ổn định và căn cứ vào nhu cầu cần thiết đối với các khoản chi phí sinh hoạt hàng ngày ở địa phương tại thời điểm hiện nay đối với 01 người con chung 1.500.000 đồng/tháng là đảm bảo và phù hợp theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có lời trình bày, nên không xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị N trình bày không có, anh T không có lời trình bày nên không xét.

[7] *Về án phí*:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm c Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 14-02-2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị N và anh T có yêu cầu khác.

- Buộc anh Nguyễn Văn T phải đóng góp nuôi con cho chị N số tiền **1.500.000** đồng/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị N và anh T có yêu cầu khác.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị N (Sau khi án có hiệu lực pháp luật) hàng tháng anh Nguyễn Văn T phải chịu lãi suất cơ bản theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản tiền chưa thi hành.

Anh T được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Buộc chị Nguyễn Thị N nộp **300.000** (*Ba trăm nghìn*) đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị N nộp theo Biên lai thu tiền số: **008134** ngày **15-01-2018**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

4.2. Buộc anh Nguyễn Văn T nộp **300.000** (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án T hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết toàn sao bản án.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng